

Số : /QĐ-UBND

Phước Thành, ngày tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách
Quý II năm 2024 của xã Phước Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật tổ chức Chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/9/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 12199/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND xã huyện Tuy Phước về việc giao dự toán ngân sách xã Phước Thành năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND xã Phước Thành kỳ họp thứ 11, khóa XIII về việc phê chuẩn dự toán ngân sách xã Phước Thành năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã Phước Thành về việc giao chỉ tiêu dự toán ngân sách xã năm 2024;

Theo đề nghị của Ban tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu ước thực hiện dự toán ngân sách quý 2 năm 2024 của xã Phước Thành.

(Các biểu mẫu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký..

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Ban tài chính xã và các Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT,(TC).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Đạt

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo quyết định số / QĐ - UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND xã Phước Thành)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2024	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	10.631.000	10.654.000	100,22
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	288.000	119.447	41,47
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	4.097.000	900.797	21,99
3	Thu bổ sung	6.246.000	9.122.000	146,05
	- Thu bổ sung cân đối	4.627.000	2.544.000	54,98
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.619.000	6.578.000	406,30
4	Thu chuyển nguồn + kết dư	0	511.756	
II	TỔNG SỐ CHI	10.631.000	10.022.000	94,27
1	Chi đầu tư phát triển	4.619.000	5.250.000	113,66
2	Chi thường xuyên	5.897.000	4.772.000	80,92
3	Dự phòng	115.000		0,00

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo quyết định số / QĐ - UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND xã Phước Thành)

Đơn vị: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	16.253.215	10.631.000	14.385.200	10.654.000	88,51	100,22
I	Các khoản thu 100%	288.000	288.000	119.447	119.447	41,47	41,47
	Phí, lệ phí	70.000	70.000	27.000	27.000	38,57	38,57
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	170.000	170.000	45.000	45.000	26,47	26,47
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	48.000	48.000	47.447	47.447	98,85	98,85
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	9.519.215	3.897.000	4.629.000	897.800	48,63	23,04
1	Các khoản thu phân chia	154.000	260.000	173.000	173.000	112,34	66,54
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	85.000	85.000	39.000	39.000	45,88	45,88

	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	30.000	30.000	29.000	29.000	96,67	96,67
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	39.000	145.000	105.000	105.000	269,23	72,41
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	9.365.215	3.637.000	4.456.000	724.800	47,58	19,93
	- Thuế GTGT và TNDN	6.365.000	637.000	3.898.000	389.800	61,24	61,19
	- Thu tiền sử dụng đất	3.000.000	3.000.000	558.000	335.000	18,60	11,17
	- Thuế tài nguyên	5				0,00	
	- Thuế TTĐB	5				0,00	
	- Thuế thu nhập cá nhân	205				0,00	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	200.000	200.000	511.756	511.756	255,88	255,88
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			2.997	2.997		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.246.000	6.246.000	9.122.000	9.122.000	146,05	146,05
	- Thu bổ sung cân đối	4.627.000	4.627.000	2.544.000	2.544.000	54,98	54,98
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.619.000	1.619.000	6.578.000	6.578.000	406,30	406,30

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo quyết định số /QĐ - UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND xã Phước Thành)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	10.631.000	4.619.000	6.012.000	10.022.000	5.250.000	4.772.000	94,27	113,66	79,37
	Trong đó	0			0					
1	Chi giáo dục	2.064.000	2.064.000		964.240	964.240		46,72	46,72	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
3	Chi y tế	108.000	108.000		0				0,00	
4	Chi văn hóa, thông tin	41.000		41.000	16.589		16.589	40,46		40,46
5	Chi phát thanh, truyền thanh	112.302	25.000	87.302	41.484		41.484	36,94	0,00	47,52
6	Chi thể dục thể thao	939.600	925.000	14.600	1.933.760	1.933.760		205,81		0,00
7	Chi bảo vệ môi trường	210.000		210.000	514.388		514.388	244,95		244,95
8	Chi các hoạt động kinh tế	1.199.440	1.141.000	58.440	2.621.592	2.352.000	269.592		206,13	461,31
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.611.658	302.000	5.309.658	2.726.000		2.726.000	48,58	0,00	51,34
10	Chi cho công tác xã hội	208.000	54.000	154.000	70.022		70.022	33,66	0,00	45,47
11	Chi khác	22.000		22.000	1.133.925		1.133.925	5.154,20		5.154,20
12	Dự phòng ngân sách	115.000		115.000	0			0,00		0,00